

PHỤ LỤC

Quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

(Kèm theo Nghị quyết số /2021/NQ-HĐND ngày / /2021 của HĐND tỉnh)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
A	B	1	2	3
I	MỨC CHI TẠI ĐỊA PHƯƠNG			
1	Chi tổ chức hội nghị			
a	Mức chi tổ chức hội nghị		Thực hiện theo Nghị quyết số .../2025/NQ-HĐND ngày .../.../2025 của HĐND tỉnh Tuyên Quang quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	
b	Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử		Thực hiện theo Nghị quyết số .../2025/NQ-HĐND ngày .../.../2025 của HĐND tỉnh Tuyên Quang quy định mức chi cho công tác bồi dưỡng cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	
2	Chi bồi dưỡng các cuộc họp			
a	Chi bồi dưỡng các cuộc họp của Ban chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, hội nghị hiệp thương			
-	Chủ trì cuộc họp	đồng /người /buổi	500,000	250,000
-	Thành viên tham dự	đồng /người /buổi	200,000	100,000
-	Các đối tượng phục vụ	đồng /người /buổi	100,000	50,000
b	Chi bồi dưỡng các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử			
-	Chủ trì cuộc họp	đồng /người /buổi	300,000	150,000
-	Thành viên tham dự	đồng /người /buổi	200,000	100,000

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
A	B	1	2	3
-	Các đối tượng phục vụ	đồng /người /buổi	100,000	50,000
3	Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ban chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:			
	Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định tại Nghị quyết của HĐND tỉnh hiện hành, các đoàn công tác được chi như sau:			
a	Trưởng đoàn giám sát	đồng /người /buổi	300,000	150,000
b	Thành viên chính thức của đoàn giám sát	đồng /người /buổi	200,000	100,000
c	Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn giám sát:			
-	Phục vụ trực tiếp đoàn giám sát:	đồng /người /buổi	150,000	75,000
-	Phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (Lái xe, bảo vệ lãnh đạo)	đồng /người /buổi	100,000	50,000
d	Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát			
-	Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát;	đồng/ báo cáo	3,000,000	1,500,000
-	Báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ủy ban bầu cử các cấp	đồng/ báo cáo	4,000,000	2,000,000
4	Chi xây dựng văn bản			
a	Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử		Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh Hà Giang Quy định định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Hà Giang	
b	Chi xây dựng các văn bản (không bao gồm văn bản QPPL)			
-	Báo cáo tổng kết cuộc bầu cử (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý)		3,000,000	1,500,000

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
A	B	1	2	3
-	Xây dựng văn bản không bao gồm báo cáo tổng kết cuộc bầu cử (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý).	đồng/văn bản	600,000	300,000
5	Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử			
a	Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau:			
-	Trưởng, phó Ban chỉ đạo; Chủ tịch, Phó chủ tịch Ủy ban bầu cử	đồng/người/tháng	2,200,000	1,100,000
-	Thành viên Ban chỉ đạo, Thành viên Ủy ban bầu cử	đồng/người/tháng	2,000,000	1,000,000
-	Thành viên tổ giúp việc	đồng/người/tháng	1,800,000	900,000
-	Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử		Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử tính từ thời gian Quyết định thành lập Ủy ban bầu cử có hiệu lực tới khi kết thúc nhiệm vụ.	
b	Bồi dưỡng đối với các đối tượng là thành viên các Ban bầu cử, tổ bầu cử trong đợt bầu cử và các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử; thời gian hưởng chế độ chi bồi dưỡng không quá 15 ngày (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử)	đồng /người/ ngày	160,000	80,000
	Thực hiện chi bồi dưỡng theo mức khoán trong trường hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày; trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trung tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt	đồng/ người/ tháng	2,400,000	1,200,000
c	Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử) áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử; danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt.	đồng/người/ngày	250,000	125,000

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
A	B	1	2	3
6	Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử			
a	Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử; Trưởng các Tiểu ban	đồng/ người/ tháng	200,000	100,000
b	Thành viên Ủy ban bầu cử; Phó Trưởng các Tiểu ban, Tổ trưởng, tổ phó tổ giúp việc	đồng/ người/ tháng	150,000	75,000
c	Thành viên các tiểu ban, tổ giúp việc	đồng/ người/ tháng	125,000	62,500
d	Thời gian hưởng hỗ trợ cước điện thoại di động		Từ thời điểm Quyết định thành lập Ủy ban bầu cử có hiệu lực tới khi kết thúc nhiệm vụ nhưng tối đa không quá 4 tháng.	
7	Khoản chi hỗ trợ cho người ứng cử đại biểu HĐND tỉnh thực hiện lấy ý kiến cử tri nơi cư trú và đi tiếp xúc cử tri ở địa bàn được giới thiệu ứng cử	đồng/ người/ điểm	1,000,000	
8	Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử			
a	Người được giao trực tiếp công dân	đồng/ người/ buổi	130,000	100,000
b	Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân	đồng/ người/ buổi	80,000	60,000
c	Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân	đồng/ người/ buổi	50,000	40,000
9	Chi đóng hòm phiếu			
	Trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung	đồng/ hòm phiếu	500,000	
10	Chi khắc dấu			
	Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung	đồng/ dấu	400,000	
11	Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử			
	Trường hợp chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung	đồng/ bảng	1,200,000	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
A	B	1	2	3
12	Chi ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, xây dựng, cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử phục vụ công tác bầu cử	đồng	Thực hiện theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; các định mức kinh tế kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan	
13	Chi công tác tuyên truyền, in ấn	đồng	Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu, giao nhiệm vụ.	
14	Chi trang bị tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ Văn phòng Hội đồng bầu cử	đồng	Thực hiện theo đúng định mức, chế độ, chi tiêu hiện hành trong phạm vi dự toán ngân sách hàng năm giao cho Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh, Sở Nội vụ	
15	Các nội dung chi khác chưa được quy định mức chi tại Nghị quyết này và văn bản quy phạm pháp luật khác	đồng	Thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt	
16	Chi hỗ trợ cho địa điểm bỏ phiếu thực hiện công tác bầu cử			
	Văn phòng phẩm	đồng/địa điểm bỏ phiếu	1,000,000	
	Chi phụ vụ bầu cử (Trang trí khánh tiết, loa đài,...)		850,000	
	Nước uống		150,000	